# Cumulative Review 5 (Units I-8)

**SBT Tiếng Anh 11 Cumulative Review 5 (Units I-8) - Friends Global**  
**Listening**  
**1. Listen and choose the correct answers.**  
*(Nghe và chọn câu trả lời đúng.)*  
**1** Listen to speaker 1. What is the reason for the announcement?  
a To explain what to do in an emergency  
b To tell passengers how to fasten their seat belts  
c To give the necessary safety information  
**2** Listen to dialogue 2. Where does the woman's train leave from?  
a Platform 3  
b Platform 8  
c Platform 11  
**3** Listen to speaker 3. How long will the flight be delayed for?  
a Less than an hour  
b About an hour  
c More than an hour  
**4** Listen to dialogue 4. Where is the bus stop?  
a Outside the cinema  
b In the car park of the shopping mall  
c Outside the front entrance of the shopping mall  
**5** Listen to speaker 5. Which route only has one sailing per week?  
a Portsmouth to Santander  
b Plymouth to Santander  
c Portsmouth to Bilbao  
**Phương pháp giải:**  
**Bài nghe**  
1  
… Can I have your attention, please, ladies and gentlemen? Thank you. Just a few things before we set off for Plymouth. This coach is fitted with seat belts, which must be worn for the duration of the journey. Passengers caught not wearing one may be fined up to £500. The exits are the doors at the front and back of the vehicle, and the emergency exits are through the windows. These are clearly marked and there is a small hammer for breaking the glass. So now sit back, put your seat belts on, and please try to enjoy the journey. Thank you for your attention.  
2  
**Passenger:** Um, excuse me. I wonder if you can help me.  
**Guard:** I’ll certainly try.  
**Passenger:** Can you tell me which platform the train to Birmingham goes from?  
**Guard:** Well, the Birmingham trains usually go from platform 3, but the next one is direct – that’s the 11.15 – so it leaves from platform 8. But you’ll have to hurry because it’s 11.14 already.  
**Passenger:** Thanks, but my train is the 11.45. Will that leave from platform 8 too?  
**Guard:** No, the 11.45 isn’t direct, so it goes from platform 3.  
**Passenger:** Thanks a lot.  
3  
This is an announcement for passengers waiting at gate B28 for flight EZY6035 to Bristol. We regret to inform you that this flight is delayed due to the late arrival of the incoming plane. This delay will be approximately 90 minutes. Please be advised that because of the delay, the gate number and boarding time of your flight has been changed. The flight will now be boarding from gate A8 at approximately 14.25. That’s twenty-five past two at gate A8. We apologise for the inconvenience  
4  
**Dan:** You’re new here, aren’t you?  
**Ruby:** Yes, I am.  
**Dan:** So, what do you think of our school?  
**Ruby:** I like it. But it takes me ages to get here. I walked this morning, and it took me nearly half an hour!  
**Dan:** Where do you live? Near the shopping mall on the other side of town.  
**Dan:** Me too! Why don’t you get the bus? The number 23 stops right outside the school.  
**Ruby:** That might be better. Does it go from the mall? I’ve seen some bus stops outside the front entrance.  
**Dan:** No, the 23 goes past the car park and stops outside the cinema. Why don’t we get the bus home together after school? Then I can show you the bus stop.  
**Ruby:** Thanks. That would be great!  
5  
Why spend hours waiting at the airport when you could spend a day or more relaxing at sea on the way to your holiday destination? Our ferry service operates a luxury cruise to Spain with a choice of routes from Plymouth and Portsmouth to Santander and Bilbao. Departures from Plymouth are on Sunday afternoons, and by Monday lunchtime, you will be arriving at Santander. The return journey is on a Wednesday evening. From Portsmouth, there are two sailings each week to both Santander and Bilbao. Choose the best crossing for you, or mix and match routes as you please. Our on-board experience allows you to get into the holiday spirit from the moment you leave the country.  
**Tạm dịch**  
*1*  
*… Làm ơn chú ý được không, thưa quý vị? Cảm ơn. Chỉ có vài điều trước khi chúng ta khởi hành tới Plymouth. Xe này này được trang bị dây an toàn và phải được đeo trong suốt hành trình. Hành khách bị phát hiện không đeo khẩu trang có thể bị phạt tới 500 bảng Anh. Lối thoát hiểm là cửa ở phía trước và phía sau xe, lối thoát hiểm là qua cửa sổ. Chúng được đánh dấu rõ ràng và có một chiếc búa nhỏ để đập vỡ kính. Vì vậy, bây giờ hãy ngồi lại, thắt dây an toàn và cố gắng tận hưởng chuyến đi. Cám ơn vì sự quan tâm của bạn.*  
*2*  
*Hành khách: Ừm, xin lỗi. Tôi tự hỏi nếu bạn có thể giúp tôi.*  
*Bảo vệ: Tôi chắc chắn sẽ cố gắng.*  
*Hành khách: Bạn có thể cho tôi biết tàu tới Birmingham đi từ sân ga nào không?*  
*Bảo vệ: À, tàu Birmingham thường đi từ sân ga số 3, nhưng chuyến tiếp theo sẽ đi thẳng – đó là chuyến 11 giờ 15 – nên nó sẽ khởi hành từ sân ga số 8. Nhưng cậu sẽ phải nhanh lên vì bây giờ là 11 giờ 14 rồi.*  
*Hành khách: Cảm ơn, nhưng chuyến tàu của tôi là chuyến 11 giờ 45. Điều đó cũng sẽ rời khỏi ở sân ga 8 chứ?*  
*Bảo vệ: Không, 11 giờ 45 không phải là trực tiếp nên nó đi từ sân ga 3.*  
*Hành khách: Cảm ơn rất nhiều.*  
*3*  
*Đây là thông báo dành cho hành khách chờ tại cổng B28 chuyến bay EZY6035 đi Bristol. Chúng tôi rất tiếc phải thông báo với bạn rằng chuyến bay này bị trì hoãn do máy bay đến đến muộn. Sự chậm trễ này sẽ là khoảng 90 phút. Xin lưu ý rằng do sự chậm trễ nên số cổng và thời gian lên máy bay của chuyến bay của bạn đã bị thay đổi. Chuyến bay sẽ khởi hành từ cổng A8 vào khoảng 14h25. Lúc đó là 2 giờ 25 ở cổng A8. Chúng tôi xin lỗi vì sự bất tiện này.*  
*4*  
*Dan: Bạn là người mới ở đây phải không?*  
*Ruby: Đúng vậy.*  
*Dan: Vậy bạn nghĩ gì về trường của chúng tôi?*  
*Ruby: Tôi thích nó. Nhưng tôi phải mất nhiều thời gian mới đến được đây. Sáng nay tôi đã đi bộ và mất gần nửa tiếng đồng hồ!*  
*Đan: Bạn sống ở đâu? Gần trung tâm mua sắm ở phía bên kia của thị trấn.*  
*Đan: Tôi cũng vậy! Tại sao bạn không bắt xe buýt? Số 23 dừng ngay bên ngoài trường.*  
*Ruby: Điều đó có thể tốt hơn. Nó có đi từ trung tâm mua sắm không? Tôi đã thấy một số điểm dừng xe buýt bên ngoài lối vào phía trước.*  
*Dan: Không, xe số 23 đi ngang qua bãi đậu xe và dừng lại bên ngoài rạp chiếu phim. Tại sao chúng ta không cùng bắt xe buýt về nhà sau giờ học nhỉ? Sau đó tôi có thể chỉ cho bạn trạm xe buýt.*  
*Ruby: Cảm ơn. Điều đó sẽ tuyệt vời!*  
*5*  
*Tại sao phải dành hàng giờ chờ đợi ở sân bay khi bạn có thể dành một ngày hoặc nhiều hơn để thư giãn trên biển trên đường đến điểm đến trong kỳ nghỉ của mình? Dịch vụ phà của chúng tôi khai thác một hành trình sang trọng đến Tây Ban Nha với nhiều tuyến đường lựa chọn từ Plymouth và Portsmouth đến Santander và Bilbao. Các chuyến khởi hành từ Plymouth là vào các buổi chiều Chủ Nhật và đến giờ ăn trưa Thứ Hai, bạn sẽ đến Santander. Chuyến trở về diễn ra vào tối thứ Tư. Từ Portsmouth, có hai chuyến đi mỗi tuần tới cả Santander và Bilbao. Chọn lối đi qua tốt nhất cho bạn hoặc kết hợp các tuyến đường theo ý muốn. Trải nghiệm trên máy bay của chúng tôi cho phép bạn hòa nhập vào tinh thần kỳ nghỉ ngay từ khi bạn rời khỏi đất nước.*  
**Lời giải chi tiết:**  
  
**1** Listen to speaker 1. What is the reason for the announcement?  
*(Nghe người nói 1. Lý do đưa ra thông báo là gì?)*  
a To explain what to do in an emergency  
*(Để giải thích những việc cần làm trong trường hợp khẩn cấp)*  
b To tell passengers how to fasten their seat belts  
*(Hướng dẫn hành khách cách thắt dây an toàn)*  
c To give the necessary safety information  
*(Cung cấp thông tin an toàn cần thiết)*  
Thông tin: “Just a few things before we set off for Plymouth. This coach is fitted with seat belts, which must be worn for the duration of the journey.”  
*(Chỉ một vài điều trước khi chúng ta khởi hành đến Plymouth. Xe này được trang bị dây an toàn và phải được đeo trong suốt hành trình.)*  
**=> Chọn c**  
**2** Listen to dialogue 2. Where does the woman's train leave from?  
*(Nghe đoạn hội thoại 2. Chuyến tàu của người phụ nữ khởi hành từ đâu?)*  
a Platform 3  
*(Sân ga 3)*  
b Platform 8  
*(Sân ga 8)*  
c Platform 11  
*(Sân ga 11)*  
Thông tin: “the 11.45 isn’t direct, so it goes from platform 3.”  
*(Chuyến 11.45 không đi trực tiếp nên nó khởi hành từ sân ga 3.)*  
**=> Chọn a**  
**3** Listen to speaker 3. How long will the flight be delayed for?  
*(Nghe người nói 3. Chuyến bay sẽ bị hoãn trong bao lâu?)*  
a Less than an hour  
*(Chưa đầy một giờ)*  
b About an hour  
*(Khoảng một giờ)*  
c More than an hour  
*(Hơn một giờ)*  
Thông tin: “This delay will be approximately 90 minutes.”  
*(Sự chậm trễ này sẽ kéo dài khoảng 90 phút.)*  
**=> Chọn c**  
**4** Listen to dialogue 4. Where is the bus stop?  
*(Nghe đoạn hội thoại 4. Trạm xe buýt ở đâu?)*  
a Outside the cinema  
*(Bên ngoài rạp chiếu phim)*  
b In the car park of the shopping mall  
*(Trong bãi đậu xe của trung tâm mua sắm)*  
c Outside the front entrance of the shopping mall  
*(Bên ngoài lối vào phía trước của trung tâm mua sắm)*  
Thông tin: “the 23 goes past the car park and stops outside the cinema.”  
*(Chuyến 23 đi ngang qua bãi đậu xe và dừng lại bên ngoài rạp chiếu phim.)*  
**=> Chọn a**  
**5** Listen to speaker 5. Which route only has one sailing per week?  
*(Nghe người nói 5. Tuyến đường nào chỉ có một chuyến đi mỗi tuần?)*  
a Portsmouth to Santander  
*(Portsmouth tới Santander)*  
b Plymouth to Santander  
*(Plymouth đến Santander)*  
c Portsmouth to Bilbao  
*(Portsmouth đến Bilbao)*  
Thông tin: “Departures from Plymouth are on Sunday afternoons, and by Monday lunchtime, you will be arriving at Santander.”  
*(Các chuyến khởi hành từ Plymouth là vào các buổi chiều Chủ nhật và đến giờ ăn trưa Thứ Hai, bạn sẽ đến Santander.)*  
**=> Chọn b**  
**Speaking**  
**2. Work in pairs. Look at the photo and answer the questions.**  
*(Làm việc theo cặp. Nhìn vào bức ảnh và trả lời các câu hỏi.)*  
1 How do you think the people are feeling?  
2 How effective is public transport where you live?  
3 Have you been on a journey in which you experienced a similar situation to this? Why were there so many people?  
   
**Lời giải chi tiết:**  
1 How do you think the people are feeling?  
*(Bạn nghĩ mọi người đang cảm thấy thế nào?)*  
**Trả lời:** People are feeling uncomfortable, perhaps a bit frustrated or impatient. Some might be trying to find a comfortable spot, while others may be dealing with the lack of personal space.  
*(Mọi người đang cảm thấy khó chịu, có lẽ hơi bực bội hoặc thiếu kiên nhẫn. Một số người có thể đang cố gắng tìm một nơi thoải mái, trong khi những người khác có thể đang phải đối mặt với việc thiếu không gian cá nhân.)*  
2 How effective is public transport where you live?  
*(Phương tiện công cộng nơi bạn sống hiệu quả như thế nào?)*  
**Trả lời:** The effectiveness of public transport in my city varies. Overall, it is a convenient and widely used mode of transportation. Buses and trains operate regularly, connecting different parts of the city. However, during peak hours, such as morning and evening rush, overcrowding can be an issue.  
*(Hiệu quả của giao thông công cộng ở thành phố của tôi rất khác nhau. Nhìn chung, nó là một phương thức vận chuyển thuận tiện và được sử dụng rộng rãi. Xe buýt và tàu hỏa hoạt động thường xuyên, kết nối các khu vực khác nhau của thành phố. Tuy nhiên, trong những giờ cao điểm, chẳng hạn như cao điểm buổi sáng và buổi tối, tình trạng quá tải có thể là một vấn đề.)*  
3 Have you been on a journey in which you experienced a similar situation to this? Why were there so many people?  
*(Bạn đã từng đi trên một hành trình nào mà gặp phải tình huống tương tự như thế này chưa? Tại sao lại có nhiều người như vậy?)*  
**Trả lời:** Yes, I've been on a journey where the public transport was extremely crowded. It happened during the morning rush hour when people were commuting to work or school. The buses and trains were packed with passengers, and finding a seat or even standing comfortably was a challenge. The high demand during these peak hours, coupled with limited transport options, led to the crowded conditions. It's a common occurrence in urban areas where a large population relies on public transportation for their daily commute, especially during specific times of the day.  
*(Vâng, tôi đã từng đi một chuyến mà phương tiện công cộng vô cùng đông đúc. Sự việc xảy ra vào giờ cao điểm buổi sáng khi mọi người đang đi làm hoặc đi học. Xe buýt và xe lửa chật cứng hành khách, việc tìm một chỗ ngồi hoặc thậm chí đứng thoải mái là một thách thức. Nhu cầu cao trong những giờ cao điểm này, cùng với việc lựa chọn phương tiện đi lại hạn chế, đã dẫn đến tình trạng đông đúc. Đây là hiện tượng thường xuyên xảy ra ở các khu vực thành thị, nơi có lượng lớn dân số sử dụng phương tiện giao thông công cộng để đi lại hàng ngày, đặc biệt là vào những thời điểm cụ thể trong ngày.)*  
**Reading**  
**3. Match the texts with the questions below. Some questions match with more than one text.**  
*(Nối các đoạn văn với các câu hỏi dưới đây. Một số câu hỏi phù hợp với nhiều đoạn.)*  
Which form(s) of transport  
A employ(s) workers who move between vehicles selling tickets? ☐ ☐  
B hold(s) a world record? ☐ ☐  
C is / are no longer used by commuters? ☐ ☐  
D date(s) back to the start of the 20th century? ☐ ☐  
E carry / carries passengers downhill? ☐ ☐  
F is / are not finished yet? ☐ ☐  
**Alternative commuting**  
**1 Urban cable car**  
The commute between the twin cities of El Alto and La Paz in Bolivia has always been a nightmare. The small white vans that serve as buses take over an hour to cover the winding 10 km route due to horrible traffic - which is why a new cable car system is being installed. Commuters can already use the first line, which carries them high above the houses from the shiny modern terminal at the top of the mountain to a similar one at the bottom. When all three lines are running - red, yellow and green to match the colours of the country's flag - the system will measure nearly 11 km, making it the longest urban cable car in the world.  
**2 Motorised canal boats**  
Formerly known as the 'Venice of the East, Bangkok has numerous waterways crossing the city. The Chao Phraya River runs through the centre, and there are also many canals carrying motorised canal boats. Commuters prefer these to the congested public transport on the roads because they are faster and often cheaper. One such route is the 18 km Saen Saep Canal, which is served by about 100 boats of 40 to 50 seats. The service operates from 5.30 a.m. to 8.30 p.m. on weekdays, closing at 7 pm at the weekend. The canal boats carry around 60,000 passengers each day, and fare collectors can often be seen jumping on and off the moving boats as they are arriving at or leaving a station.  
**3 Hanging train**  
Under normal circumstances, trains usually travel along tracks built into the ground. Not so the Wuppertal Suspension Train in Germany. This particular train is made up of carriages with wheels connected to the roof of the train so that it hangs from an elevated steel frame. The suspension railway runs along a route of 13.3 km at a height of between eight and twelve metres from the ground. The entire trip takes around 30 minutes. But the railway is not a recent addition to the city's transport system; the first track opened in 1901, making it the oldest electric elevated railway with hanging cars in the world. It is still in use today, moving around 25 million passengers each year.  
**4 Toboggan sled ride**  
To the east of Funchal on the island of Madeira lies a suburb called Monte. As the name suggests, the district looks over the city centre. In 1850, the residents created an innovative method of covering the few kilometres between the two sites more quickly: toboggans. These consisted of baskets with seats fixed onto wooden skis, which slid easily down the hill. The toboggan sled service began operating in the late nineteenth century, when uniformed pilots would guide the sleds from behind, using the rubber soles on their shoes as brakes. Today, the ride is merely a tourist attraction because of the cable car built at the turn of the millennium, which connects the two districts.  
**Phương pháp giải:**  
**Tạm dịch**  
*Phương tiện đi lại thay thế*  
*1 Cáp treo đô thị*  
*Việc đi lại giữa hai thành phố song sinh El Alto và La Paz ở Bolivia luôn là một cơn ác mộng. Những chiếc xe tải nhỏ màu trắng đóng vai trò là xe buýt mất hơn một giờ để đi hết tuyến đường dài 10 km quanh co do giao thông khủng khiếp - đó là lý do tại sao hệ thống cáp treo mới đang được lắp đặt. Những người đi làm đã có thể sử dụng tuyến đầu tiên, tuyến này đưa họ lên cao phía trên các ngôi nhà từ nhà ga hiện đại sáng bóng trên đỉnh núi đến nhà ga tương tự ở phía dưới. Khi cả ba tuyến đều chạy - đỏ, vàng và xanh lá cây để phù hợp với màu cờ của đất nước - hệ thống sẽ dài gần 11 km, trở thành cáp treo đô thị dài nhất thế giới.*  
*2 Thuyền kênh có động cơ*  
*Trước đây được gọi là 'Venice của phương Đông, Bangkok có nhiều tuyến đường thủy đi qua thành phố. Sông Chao Phraya chảy qua trung tâm, cũng có nhiều kênh chuyên chở thuyền máy chạy qua kênh. Người đi làm thích những phương tiện này hơn phương tiện giao thông công cộng đông đúc trên đường vì chúng nhanh hơn và thường rẻ hơn. Một trong những tuyến đường như vậy là kênh Saen Saep dài 18 km, được phục vụ bởi khoảng 100 thuyền từ 40 đến 50 chỗ ngồi. Dịch vụ này hoạt động từ 5h30 sáng đến 8h30 tối. vào các ngày trong tuần, đóng cửa lúc 7 giờ tối vào cuối tuần. Những chiếc thuyền trên kênh chở khoảng 60.000 hành khách mỗi ngày và người ta thường thấy những người thu vé nhảy lên xuống những chiếc thuyền đang di chuyển khi họ đến hoặc rời ga.*  
*3 Tàu treo*  
*Trong điều kiện bình thường, đoàn tàu thường di chuyển dọc theo đường ray được xây dựng trong lòng đất. Tàu treo Wuppertal ở Đức không như vậy. Con tàu đặc biệt này được tạo thành từ các toa xe có bánh xe nối với nóc tàu để nó treo trên khung thép nâng cao. Tuyến đường sắt treo chạy dọc theo tuyến đường dài 13,3 km ở độ cao từ 8 đến 12 mét so với mặt đất. Toàn bộ chuyến đi mất khoảng 30 phút. Nhưng đường sắt không phải là sự bổ sung gần đây cho hệ thống giao thông của thành phố; Đường ray đầu tiên được mở vào năm 1901, trở thành tuyến đường sắt trên cao chạy điện lâu đời nhất với toa treo trên thế giới. Nó vẫn còn được sử dụng cho đến ngày nay, vận chuyển khoảng 25 triệu hành khách mỗi năm.*  
*4 Đi xe trượt băng*  
*Về phía đông của Funchal trên đảo Madeira có một vùng ngoại ô tên là Monte. Đúng như tên gọi, quận nhìn ra trung tâm thành phố. Vào năm 1850, người dân đã sáng tạo ra một phương pháp cải tiến giúp di chuyển nhanh hơn trong vài km giữa hai địa điểm: xe trượt băng. Chúng bao gồm những chiếc giỏ có ghế cố định trên ván trượt bằng gỗ, dễ dàng trượt xuống đồi. Dịch vụ xe trượt băng bắt đầu hoạt động vào cuối thế kỷ 19, khi các phi công mặc đồng phục sẽ hướng dẫn xe trượt từ phía sau, sử dụng đế cao su trên giày làm phanh. Ngày nay, chuyến đi này chỉ đơn thuần là một điểm thu hút khách du lịch vì tuyến cáp treo được xây dựng vào đầu thiên niên kỷ, nối liền hai quận.*  
**Lời giải chi tiết:**  
  
Which form(s) of transport  
*((Những) hình thức vận tải nào)*  
A employ(s) workers who move between vehicles selling tickets? **=> Text 2**  
*(Tuyển dụng công nhân di chuyển giữa các phương tiện bán vé? => Đoạn văn 2)*  
B hold(s) a world record? **=> Text 1 and 3**  
*(giữ kỷ lục thế giới? => Đoạn văn 1 và 3)*  
C is / are no longer used by commuters? **=> Text 4**  
*(không còn được người đi lại sử dụng nữa? => Đoạn văn 4)*  
D date(s) back to the start of the 20th century? **=> Text 3**  
*(bắt đầu từ đầu thế kỷ 20? => Đoạn văn 3)*  
E carry / carries passengers downhill? **=> Text 1 and 4**  
*(hở hành khách xuống dốc? => Đoạn văn 1 và 4)*  
F is / are not finished yet? **=> Text 1**  
*(vẫn chưa xong => Đoạn văn 1)*  
**Grammar and vocabulary**  
**4. Choose the correct answers.**  
*(Chọn những đáp án đúng.)*  
**TRAVELLING THE WORLD - THE HARD WAY**  
A Liverpool man has become the first person **1\_\_\_\_\_\_\_** all 201 countries in the world without **2\_\_\_\_\_\_\_** a plane. Thirty-three-year-old Graham Hughes started his epic journey in Uruguay, South America. On his budget of $100 a week, he could not **3\_\_\_\_\_\_\_** to buy many luxuries, and he often had to depend on the kindness of strangers. Not everything went smoothly on the trip. He was arrested when he was trying **4\_\_\_\_\_\_\_** Russia, and he was accused of being a spy in the Democratic Republic of the Congo. Also, the boat **5\_\_\_\_\_\_\_** him to Cape Verde was in very bad condition, so Hughes had a very worrying four days. If the boat had sunk, he **6\_\_\_\_\_\_\_**. Despite all of the setbacks, Hughes managed **7\_\_\_\_\_\_\_** the last country on his list after 1,426 days and 160,000 km. Journalists were waiting to greet him in Juba, the capital of South Sudan, a country which did not exist when he set out. When they asked Hughes why he had made the journey, he said it was because he loved travelling and there were a lot of wonderful landscapes **8\_\_\_\_\_\_\_** when travelling. Hughes went on **9\_\_\_\_\_\_\_** everyone he had met for helping him on his way. Now he plans to spend some more time **10\_\_\_\_\_\_\_** around Africa before he eventually flies home.  
1  
a visit  
b visiting  
c to visit  
2  
a board  
b boarding  
c to board  
3  
a afford  
c to afford  
b affording  
4  
a enter  
b to enter  
c entering  
5  
a taking  
b take  
c to take  
6  
a would die  
b had died  
c would have died  
7  
a to reach  
b reaching  
c reach  
8  
a enjoy  
b to enjoy  
c enjoying  
9  
a thank  
b thanking  
c to thank  
10  
a travel  
b travelling  
c to travel  
**Lời giải chi tiết:**  
  
**1. c**  
Theo sau từ chỉ số thứ tự “the first” *(đầu tiên)* cần một động từ ở dạng TO V.  
A Liverpool man has become the first person **to visit** all 201 countries in the world.  
*(Một người đàn ông Liverpool đã trở thành người đầu tiên đến thăm tất cả 201 quốc gia trên thế giới.)*  
**=> Chọn c**  
**2. b**  
a board  
b boarding  
c to board  
Sau giới từ “”without” *(mà không có)* cần một động từ ở dạng V-ing.  
A Liverpool man has become the first person to visit all 201 countries in the world without **boarding** a plane.  
*(Một người đàn ông ở Liverpool đã trở thành người đầu tiên đến thăm tất cả 201 quốc gia trên thế giới mà không cần lên máy bay.)*  
**=> Chọn b**  
**3. a**  
a afford  
c to afford  
b affording  
Sau động từ khiếm khuyết “could not” *(không thể)* cần một động từ ở dạng nguyên thể.  
On his budget of $100 a week, he could not **afford** to buy many luxuries,  
*(Với ngân sách 100 đô la một tuần, anh ấy không đủ khả năng để mua nhiều thứ xa xỉ,)*  
**=> Chọn a**  
**4. b**  
try + to V: cố gắng  
try + V-ing: thử  
He was arrested when he was trying **to enter** Russia,  
*(Anh ta bị bắt khi đang cố gắng vào Nga,)*  
**=> Chọn b**  
**5. a**  
- Lược giản mệnh đề quan hệ mang nghĩa chủ động thì động từ có dạng V-ing.  
Also, the boat **taking** him to Cape Verde was in very bad condition,  
*(Ngoài ra, chiếc thuyền đưa anh ấy tới Cape Verde đang trong tình trạng rất tồi tệ,)*  
**=> Chọn a**  
**6. c**  
a would die  
b had died  
c would have died  
Cấu trúc câu điều kiện loại 3: If + S + had V3/ed, S + would have V3/ed.  
If the boat had sunk, he **would have died**.  
*(Nếu thuyền bị chìm thì anh ấy sẽ chết.)*  
**=> Chọn c**  
**7. a**  
Theo sau động từ “manage” *(xoay xở)* cần một động từ ở dạng TO V.  
Despite all of the setbacks, Hughes managed **to reach** the last country on his list after 1,426 days and 160,000 km.  
*(Bất chấp mọi trở ngại, Hughes vẫn đến được quốc gia cuối cùng trong danh sách của mình sau 1.426 ngày và 160.000 km.)*  
**=> Chọn a**  
**8. b**  
Động từ ở dạng TO V có thể dùng để chỉ mục đích.  
he said it was because he loved travelling and there were a lot of wonderful landscapes **to enjoy** when travelling.  
*(anh ấy nói đó là vì anh ấy thích đi du lịch và có rất nhiều cảnh đẹp tuyệt vời để tận hưởng khi đi du lịch.)*  
**=> Chọn b**  
**9. c**  
a thank  
b thanking  
c to thank  
Sau “went on” *(tiếp tục)* cần một động từ ở dạng TO V.  
Hughes went on **to thank** everyone he had met for helping him on his way.  
*(Hughes tiếp tục cảm ơn tất cả những người anh đã gặp vì đã giúp đỡ anh trên con đường của mình.)*  
**=> Chọn c**  
**10. b**  
Sau động từ “spend” *(dành ra)* cần một động từ ở dạng V-ing.  
Now he plans to spend some more time **travelling** around Africa before he eventually flies home.  
*(Bây giờ anh ấy dự định dành thêm thời gian để đi du lịch vòng quanh Châu Phi trước khi bay về nhà.)*  
**=> Chọn b**  
**Bài hoàn chỉnh**  
TRAVELLING THE WORLD - THE HARD WAY  
A Liverpool man has become the first person **to visit** all 201 countries in the world without **boarding** a plane. Thirty-three-year-old Graham Hughes started his epic journey in Uruguay, South America. On his budget of $100 a week, he could not **afford** to buy many luxuries, and he often had to depend on the kindness of strangers. Not everything went smoothly on the trip. He was arrested when he was trying **to enter** Russia, and he was accused of being a spy in the Democratic Republic of the Congo. Also, the boat **taking** him to Cape Verde was in very bad condition, so Hughes had a very worrying four days. If the boat had sunk, he **would have died.** Despite all of the setbacks, Hughes managed **to reach** the last country on his list after 1,426 days and 160,000 km. Journalists were waiting to greet him in Juba, the capital of South Sudan, a country which did not exist when he set out. When they asked Hughes why he had made the journey, he said it was because he loved travelling and there were a lot of wonderful landscapes **to enjoy** when travelling. Hughes went on **to thank** everyone he had met for helping him on his way. Now he plans to spend some more time **travelling** around Africa before he eventually flies home.  
**Tạm dịch**  
*DU LỊCH THẾ GIỚI – MỘT CÁCH KHÓ KHĂN*  
*Một người đàn ông ở Liverpool đã trở thành người đầu tiên đến thăm tất cả 201 quốc gia trên thế giới mà không cần lên máy bay. Graham Hughes 33 tuổi bắt đầu cuộc hành trình hoành tráng của mình ở Uruguay, Nam Mỹ. Với ngân sách 100 USD một tuần, anh không đủ khả năng mua nhiều thứ xa xỉ và thường phải phụ thuộc vào lòng tốt của người lạ. Không phải mọi thứ đều suôn sẻ trong chuyến đi. Anh ta bị bắt khi đang cố gắng nhập cảnh vào Nga và bị buộc tội làm gián điệp cho Cộng hòa Dân chủ Congo. Ngoài ra, chiếc thuyền đưa anh đến Cape Verde đang trong tình trạng rất tồi tệ nên Hughes đã có 4 ngày vô cùng đáng lo ngại. Nếu thuyền bị chìm thì anh ấy sẽ chết. Bất chấp mọi trở ngại, Hughes vẫn đến được quốc gia cuối cùng trong danh sách của mình sau 1.426 ngày và 160.000 km. Các nhà báo đã chờ đợi để chào đón anh ở Juba, thủ đô của Nam Sudan, một đất nước chưa tồn tại khi anh lên đường. Khi họ hỏi Hughes tại sao anh lại thực hiện chuyến hành trình này, anh nói rằng đó là vì anh thích đi du lịch và có rất nhiều cảnh quan tuyệt vời để tận hưởng khi đi du lịch. Hughes tiếp tục cảm ơn tất cả những người anh đã gặp vì đã giúp đỡ anh trên con đường của mình. Bây giờ anh ấy dự định dành thêm thời gian để đi du lịch vòng quanh Châu Phi trước khi bay về nhà.*  
**Writing**  
**5. Imagine that you have recently returned from a holiday where you used one of the forms of transport mentioned in the Reading texts. Write an email to a friend in which you:**  
• describe the country that you visited.  
• relate your experience travelling on the vehicle.  
• mention something that went wrong during the holiday.  
• invite your friend to go on holiday with you next year.  
*(Hãy tưởng tượng rằng bạn vừa trở về sau kỳ nghỉ mà bạn đã sử dụng một trong những phương tiện giao thông được đề cập trong bài Đọc. Viết một email cho một người bạn trong đó bạn:*  
*• mô tả đất nước mà bạn đã đến thăm.*  
*• kể lại trải nghiệm của bạn khi di chuyển trên phương tiện đó.*  
*• đề cập đến điều gì đó không ổn trong kỳ nghỉ.*  
*• mời bạn của bạn đi nghỉ cùng bạn vào năm tới.)*  
**Lời giải chi tiết:**  
**Bài tham khảo**  
Hey Jennifer,  
I hope this email finds you well! I just got back from an incredible holiday, and I couldn't wait to share the details with you. Brace yourself for some travel tales!  
So, I visited Bolivia, and let me tell you, it was nothing short of amazing. The diverse landscapes, vibrant culture, and warm-hearted people made it an unforgettable experience. The highlight of my trip was exploring the twin cities of El Alto and La Paz, and guess what made my daily commute a breeze? An urban cable car! It was the coolest thing ever—soaring high above the houses with breathtaking views of the Andes Mountains. The cable car system, with its red, yellow, and green lines matching the colors of the Bolivian flag, made it the longest urban cable car in the world. I felt like I was floating over the city!  
However, not everything went smoothly. There was a bit of a hiccup during my visit to La Paz. I miscalculated the local traffic, and I ended up missing a must-see cultural event. It was a bummer, but hey, that's part of the adventure, right?  
Despite the minor setback, my trip was fantastic, and it got me thinking—how about planning our holiday together next year? There are so many incredible places to explore, and I'd love to have you by my side for the next adventure. Just imagine the stories we'll have to tell!  
Let me know your thoughts, and we can start dreaming up our next destination. Can't wait to catch up soon!  
Cheers,  
Jannet  
**Tạm dịch**  
*Này Jennifer,*  
*Tôi hy vọng email này sẽ đến được với bạn! Tôi vừa trở về sau một kỳ nghỉ tuyệt vời và tôi rất nóng lòng được chia sẻ thông tin chi tiết với bạn. Chuẩn bị tinh thần cho một số câu chuyện du lịch!*  
*Chà, tôi đã đến thăm Bolivia và để tôi nói cho bạn biết, nó thực sự rất đáng kinh ngạc. Phong cảnh đa dạng, văn hóa sôi động và con người có trái tim ấm áp đã khiến nơi đây trở thành một trải nghiệm khó quên. Điểm nổi bật trong chuyến đi của tôi là khám phá hai thành phố song sinh El Alto và La Paz, và đoán xem điều gì đã khiến việc đi lại hàng ngày của tôi trở nên dễ dàng? Một cáp treo đô thị! Đó là điều tuyệt vời nhất từ trước đến nay - bay cao trên những ngôi nhà với khung cảnh ngoạn mục của Dãy núi Andes. Hệ thống cáp treo với các đường màu đỏ, vàng và xanh lá cây phù hợp với màu cờ Bolivia đã khiến nó trở thành cáp treo đô thị dài nhất thế giới. Tôi cảm thấy như mình đang lơ lửng trên thành phố!*  
*Tuy nhiên, không phải mọi thứ đều suôn sẻ. Có một chút trục trặc trong chuyến thăm La Paz của tôi. Tôi đã tính toán sai lưu lượng giao thông địa phương và cuối cùng tôi đã bỏ lỡ một sự kiện văn hóa không thể bỏ qua. Thật đáng tiếc, nhưng này, đó là một phần của cuộc phiêu lưu, phải không?*  
*Bất chấp trở ngại nhỏ, chuyến đi của tôi vẫn rất tuyệt vời và nó khiến tôi suy nghĩ— tại sao chúng ta không lên kế hoạch cho kỳ nghỉ cùng nhau vào năm tới? Có rất nhiều địa điểm đáng kinh ngạc để khám phá và tôi rất muốn có bạn ở bên cạnh trong chuyến phiêu lưu tiếp theo. Hãy tưởng tượng những câu chuyện chúng ta sẽ phải kể!*  
*Hãy cho tôi biết suy nghĩ của bạn và chúng ta có thể bắt đầu mơ về điểm đến tiếp theo. Nóng lòng muốn gặp bạn sớm!*  
*Thân mến,*  
*Jannet*  
**Xem thêm lời giải bài tập Tiếng Anh lớp 11 sách Friends Global hay khác:**  
**Cumulative Review 1 (Units I-1)**  
**Cumulative Review 2 (Units I-3)**  
**Cumulative Review 3 (Units I-5)**  
**Cumulative Review 4 (Units I-7)**  
**Xem thêm lời giải bài tập Tiếng Anh lớp 11 sách Friends Global hay khác:**  
  
Unit 4: Home  
Unit 5: Technology  
Unit 6: High flyers  
Unit 7: Artists  
Unit 8: Cities